



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 9 tháng 1 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Lê

Chủ tịch

(từ ngày 25 tháng 12 năm 2017)

Phó Chủ tịch thứ nhất

(từ ngày 1 tháng 4 năm 2017

đến ngày 24 tháng 12 năm 2017)

Thành viên

(đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)

Ông Phạm Phú Ngọc Trai

Chủ tịch

(đến ngày 24 tháng 12 năm 2017)

Ông Yew Kean Lai

Phó Chủ tịch

Ông Phạm Trung Lâm

Thành viên

Ông David Tan Wei Ming

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 4 năm 2017)

Ông Danny Lê

Tổng Giám đốc

(đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza

17 Lê Duẩn

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-758(B)




Trương Vinh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.605.360.258.462	8.621.977.042.377
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.991.970.213.930	4.212.026.690.424
Tiền	111		109.370.213.930	150.676.690.424
Các khoản tương đương tiền	112		1.882.600.000.000	4.061.350.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	130.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	-	130.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	721.641.491.479	968.365.057.664
Phải thu của khách hàng	131		671.229.135.033	805.672.598.710
Trả trước cho người bán	132		149.097.590.249	170.126.014.218
Phải thu ngắn hạn khác	136		11.098.412.136	25.702.135.096
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(109.783.645.939)	(33.135.690.360)
Hàng tồn kho	140	7	1.849.586.764.502	3.413.854.116.329
Hàng tồn kho	141		1.853.364.528.554	3.427.916.241.324
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.777.764.052)	(14.062.124.995)
Tài sản ngắn hạn khác	150		42.161.788.551	27.601.177.960
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.491.857.353	22.683.769.965
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.801.548.703	3.142.409.329
Thuế phải thu Nhà nước	153		10.868.382.495	1.774.998.666

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.015.783.621.934	9.520.834.493.427
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	1.106.971.584.203	809.164.859.517
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.033.400.000.000	765.700.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		73.571.584.203	43.464.859.517
Tài sản cố định	220		5.684.620.050.544	5.818.935.026.371
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.719.343.192.325	1.640.941.510.106
Nguyên giá	222		2.323.582.324.487	2.001.476.136.112
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(604.239.132.162)	(360.534.626.006)
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.965.276.858.219	4.177.993.516.265
Nguyên giá	228		4.914.511.493.315	4.802.313.807.462
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(949.234.635.096)	(624.320.291.197)
Tài sản dở dang dài hạn	240		600.473.709.906	312.334.484.067
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	600.473.709.906	312.334.484.067
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.178.564.569.125	2.183.467.353.574
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	2.161.836.849.125	2.161.821.353.574
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	21.646.000.000	21.646.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(4.918.280.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		445.153.708.156	396.932.769.898
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	314.288.716.851	236.204.327.532
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	130.864.991.305	160.728.442.366
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.621.143.880.396	18.142.811.535.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.078.301.281.472	13.727.830.582.212
Nợ ngắn hạn	310		3.331.284.168.377	7.378.598.366.793
Phải trả người bán	311	13	855.207.343.919	1.257.555.401.679
Người mua trả tiền trước	312		34.349.137.471	26.410.007.109
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	51.134.924.736	115.455.828.731
Phải trả người lao động	314		-	199.833.796.781
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15(a)	844.214.390.118	1.472.676.153.904
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	12.051.779.459	1.365.518.070.704
Vay ngắn hạn	320	17(a)	1.528.595.549.654	2.935.418.064.865
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	18	5.731.043.020	5.731.043.020
Nợ dài hạn	330		2.747.017.113.095	6.349.232.215.419
Chi phí phải trả dài hạn	333	15(b)	-	37.163.699.303
Vay và trái phiếu dài hạn	338	17(b)	2.115.031.922.047	5.629.858.333.332
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	12	595.887.645.949	650.371.862.664
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	36.097.545.099	31.838.320.120
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.542.842.598.924	4.414.980.953.592
Vốn chủ sở hữu	410	20	8.542.842.598.924	4.414.980.953.592
Vốn cổ phần	411	21	2.162.182.990.000	2.000.010.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.162.182.990.000	2.000.010.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.200.196.495.149	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.499.493.156.918	870.464.655.231
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		870.464.655.231	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		629.028.501.687	870.464.655.231
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.856.512.956.857	1.720.049.298.361
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.621.143.880.396	18.142.811.535.804

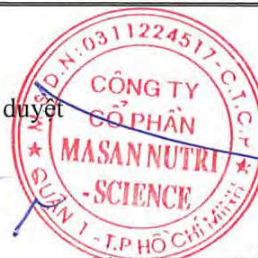
Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập

Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	19.668.777.852.594	25.958.089.844.388
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	978.293.029.703	1.535.425.229.861
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	18.690.484.822.891	24.422.664.614.527
Giá vốn hàng bán	11	25	14.699.262.984.653	19.142.426.195.124
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.991.221.838.238	5.280.238.419.403
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	191.198.427.849	239.199.881.049
Chi phí tài chính	22	27	508.607.726.767	572.848.731.951
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		491.384.792.041	558.191.657.845
Phần lãi trong các công ty liên kết	24		1.896.343.951	3.514.455.999
Chi phí bán hàng	25	28	1.916.363.677.645	2.159.404.944.719
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	804.895.471.428	674.672.371.224
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		954.449.734.198	2.116.026.708.557
Thu nhập khác	31	30	13.373.393.310	178.428.039.294
Chi phí khác	32	31	11.641.650.962	8.300.343.563
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.731.742.348	170.127.695.731
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		956.181.476.546	2.286.154.404.288
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	183.846.487.617	434.756.416.772
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(24.620.765.654)	(118.554.304.634)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		796.955.754.583	1.969.952.292.150

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		796.955.754.583	1.969.952.292.150
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		629.043.627.720	1.538.230.348.885
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		167.912.126.863	431.721.943.265
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.977	7.691

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập


 Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt


 Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	956.181.476.546	2.286.154.404.288
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	589.746.521.472	538.318.867.482
Các khoản dự phòng	03	87.291.854.918	22.644.381.396
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.993.234.264)	3.486.129.935
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(174.657.573.293)	(230.638.693.669)
Chi phí lãi vay	06	491.384.792.041	558.191.657.845
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.947.953.837.420	3.178.156.747.277
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	127.918.421.801	(232.014.403.545)
Biến động hàng tồn kho	10	1.574.551.712.770	(964.117.267.774)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.265.595.626.795)	792.084.504.827
Biến động chi phí trả trước	12	(71.766.290.590)	(16.809.165.221)
		2.313.062.054.606	2.757.300.415.564
Tiền lãi vay đã trả	14	(523.641.479.216)	(512.253.998.831)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(260.624.163.999)	(457.461.056.807)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.459.801.147)	(396.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.527.336.610.244	1.787.188.759.926

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(653.731.920.608)	(746.032.512.541)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	7.857.873.857	6.505.129.702
Tiền chi cho vay	23	(1.460.000.000.000)	(5.889.400.000.000)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(668.130.000.000)
Tiền thu từ các khoản cho vay	24	1.192.300.000.000	6.699.600.000.000
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	130.000.000	672.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết	25	-	(4.043.372.743.600)
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty liên kết	26	-	7.650.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	151.359.911.456	184.352.152.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(762.084.135.295)	(3.776.827.973.639)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	2017 VND	2016 VND
-------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	3.364.197.925.703	-
Tiền thu từ các khoản vay và trái phiếu	33	10.448.041.713.315	13.771.907.010.188
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(15.415.806.816.278)	(10.712.923.381.885)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.381.742.589.000)	(30.052.749.879)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.985.309.766.260)	3.028.930.878.424
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.220.057.291.311)	1.039.291.664.711
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.212.026.690.424	3.172.750.783.623
<hr/>			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	814.817	(15.757.910)
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.991.970.213.930	4.212.026.690.424

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Trong tháng 8 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc sáp nhập Công ty và 3 công ty con của Công ty là Công ty TNHH Shika (“Shika”), Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) và Công ty Cổ phần Meiji (“Meiji”).

Theo đó, vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký thỏa thuận một sáp nhập với Shika, Kenji và Meiji. Tất cả tài sản và nợ phải trả của Shika, Kenji và Meiji được mang sang Công ty theo giá trị sổ sách. Quá trình sáp nhập đã được hoàn tất trong năm. Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0311224517 ngày 27 tháng 9 năm 2017 để phản ánh sự thay đổi này.

Trong năm, Công ty đã thành lập 11 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Dak Lak, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên và Chi nhánh Tiền Giang.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 4 công ty liên kết sở hữu gián tiếp (1/1/2017: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 4 công ty liên kết sở hữu gián tiếp). Thông tin về các công ty con và các công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2017
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,0%	100,0%	100,0%
2	Công ty TNHH Shika (“Shika”)	Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	99,9%	-
3	Công ty TNHH Kenji (“Kenji”)	Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	100,0%	-
4	Công ty TNHH MNS Feed (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”) (“MNS Feed”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,9%	-	99,9%

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017
Các công ty con sở hữu gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Meiji (“Meiji”)	(iv) Tư vấn quản lý đầu tư	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	100,0%
2	Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANCO Vĩnh Long”)	(i), Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và cá nuôi; sản xuất, chế biến sản, bột mì, ngô, gạo, ngũ cốc và bột ngũ cốc	Khu 4, Khu Công nghiệp Cổ Chiên, Ấp Sơn Đông, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	100,0%	100,0%
3	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	100,0%	100,0%
4	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”)	(i), Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô B5-B6, Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	100,0%	100,0%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“ANCO Tiền Giang”)	(ii), Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Lô 22-23B, Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017
6	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (“ANCO Nghệ An”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cán, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,0%	100,0%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (“ANCO Hậu Giang”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm	Đường số 4, Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%
8	Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Farm”) (“MNS Meat”)	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,0%	100,0%
9	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A) (“MNF (NA)”)	Chăn nuôi lợn	Xóm Côn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,0%	100,0%
10	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”)	Chế biến và bảo quản thịt	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	100,0%
11	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (“MNS Meat Hà Nam”)	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	100,0%	100,0%

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2017
12	Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”)	(i), Chăn nuôi lợn	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,0%	-	100,0%
13	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	(ii) Sản xuất thức ăn giàu đạm, chất tinh khiết và bột cá cao đạm cho chăn nuôi; cung cấp dịch vụ chăn nuôi thú y	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	75,2%	75,2%	75,2%
14	Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”)	(ii) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi	Lô 13 và 14, Khu Công nghiệp Trà Nóc I, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	75,2%	75,2%	75,2%
15	Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”)	(ii) Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi	Lô A-2-5 và A-2-6, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	75,2%	75,2%	75,2%
16	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (“Proconco Hưng Yên”)	(ii) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi trâu và bò	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	75,2%	75,2%	75,2%

**Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2017
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp						
1	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”)	(ii) Sản xuất bao bì PP, PE và kinh doanh nguyên liệu nhựa	Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,0%	25,0%	25,0%
2	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (“Abattoir”)	(ii) Thực hiện các hoạt động giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,0%	25,0%	25,0%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai (“Donatraco”)	(ii) Trồng cây công nghiệp và cây nông nghiệp	75A Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	21,3%	21,3%	21,3%
4	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(i) Chế biến và kinh doanh thịt tươi, thực phẩm chế biến và các sản phẩm liên quan đến thịt	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	24,9%	24,9%	24,9%

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua ANCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- (ii) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Feed tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- (iii) Trong tháng 3 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3603447499 phê duyệt việc thành lập MNS Feed. Công ty có 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS Feed.
- (iv) Trong năm 2017, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc giải thể Shika, Kenji, Meiji và sáp nhập các công ty con này vào Công ty. Công ty là công ty còn tồn tại sau sáp nhập. Sau sáp nhập, Shika, Kenji và Meiji đã ngừng hoạt động. Việc sáp nhập đã được hoàn tất trong năm.
- (v) Trong tháng 8 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314547548 phê duyệt việc thành lập MNS Meat Processing. MNS Meat có 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS Meat Processing.
- (vi) Trong tháng 8 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700793788 phê duyệt việc thành lập MNS Meat Hà Nam. MNS Meat Processing có 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS Meat Hà Nam.
- (vii) Trong tháng 12 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314805164 phê duyệt việc thành lập MNS Farm. MNS Meat có 100,0% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS Farm.

Tất cả các công ty con và các công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con và của các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 3.565 nhân viên (1/1/2017: 3.934 nhân viên).

1
4
1
Á
U
C
11

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các nhà đầu tư và được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 12 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 39 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

(iii) Thương hiệu

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) *Mối quan hệ khách hàng*

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 20 năm.

(v) *Kỹ thuật*

Kỹ thuật mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của kỹ thuật có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

(i) *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) *Lợi thế thương mại*

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 35 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Trái phiếu đã phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản chênh lệch giữa số tiền nhận được so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác

Vốn khác được phát sinh từ các giao dịch liên quan đến các công cụ vốn.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, các chi phí liên quan và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng bị suy giảm.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	838.947.899	1.204.734.561
Tiền gửi ngân hàng	108.038.964.781	149.093.955.863
Tiền đang chuyển	492.301.250	378.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.882.600.000.000	4.061.350.000.000
	1.991.970.213.930	4.212.026.690.424

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư tài chính

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	-	130.000.000
	-	130.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
▪ Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	2.161.836.849.125	2.161.821.353.574
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	21.646.000.000	21.646.000.000
▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (c)	(4.918.280.000)	-
	2.178.564.569.125	2.183.467.353.574

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	130.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại dưới mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2017			1/1/2017		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền quyết biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền quyết biểu quyết
						Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Vissan	20.180.026	24,9%	24,9%	20.180.026	24,9%	2.135.490.172.000
Thuận Phát	490.000	25,0%	25,0%	490.000	25,0%	9.299.373.973
Abattoir	500.000	25,0%	25,0%	500.000	25,0%	7.545.278.818
Donatraco	850.800	21,3%	21,3%	850.800	21,3%	9.486.528.783
						<hr/>
						2.161.821.353.574

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Vissan VND	Thuận Phát VND	Abattoir VND	Donatraco VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.135.490.172.000	9.299.373.973	7.545.278.818	9.486.528.783	2.161.821.353.574
Phần lãi phát sinh sau ngày mua được chia từ các công ty liên kết	-	420.250.288	206.732.742	1.269.360.921	1.896.343.951
Cổ tức	-	-	(500.000.000)	(1.380.848.400)	(1.880.848.400)
Số dư cuối năm	2.135.490.172.000	9.719.624.261	7.252.011.560	9.375.041.304	2.161.836.849.125

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		1/1/2017					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu quyền biểu quyết				
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND				
Công ty PTSC Cảng Đình Vũ	2.164.000	5,4%	21.646.000.000	(4.918.280.000)	2.164.000	5,4%	21.646.000.000	-

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	912.120.000
Tăng dự phòng trong năm	4.918.280.000	-
Hoàn nhập	-	(912.120.000)
	4.918.280.000	-
Số dư cuối năm	4.918.280.000	-

(d) Giao dịch với cổ đông không kiểm soát

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký một thỏa thuận sáp nhập với Shika, Kenji và Meiji. Việc sáp nhập có hiệu lực từ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Shika, Kenji và Meiji đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày đó, dẫn đến ảnh hưởng như sau:

	VND
Vốn cổ phần tăng thêm thông qua việc sáp nhập	10.020.000
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần tăng thêm	5.106.033
	15.126.033
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 20)	15.126.033

6. Các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn với giá trị là 59.960 triệu VND (1/1/2017: 78.389 triệu VND) liên quan đến trả trước cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Phải thu về cho vay dài hạn bao gồm:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	937.000.000.000	396.000.000.000
Bên thứ ba	96.400.000.000	369.700.000.000
	1.033.400.000.000	765.700.000.000
	1.033.400.000.000	765.700.000.000

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải thu về cho vay dài hạn, là kết quả từ hoạt động quản lý tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản cố tính thanh khoản cao và không được đảm bảo. Khoản phải thu về cho vay dài hạn từ công ty mẹ và bên thứ ba có thời gian đáo hạn lần lượt vào năm 2021 và năm 2019, trừ trường hợp thanh toán trước hạn. Lãi suất năm của các khoản phải thu về cho vay dài hạn này là 6,5%. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn hoặc ngày hoàn trả theo quy định trong hợp đồng cho vay.

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay phải thu	2.048.954.723	10.272.759.938
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại		
Dịch vụ Đồng Nai, một công ty liên kết	721.478.400	-
Tạm ứng	2.967.898.138	5.428.861.955
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	740.405.510	1.219.387.100
Phải thu khác	4.619.675.365	8.781.126.103
	11.098.412.136	25.702.135.096
Phải thu dài hạn khác		
Lãi cho vay phải thu (*)	73.274.909.590	43.179.927.397
Ký quỹ, ký cược dài hạn	257.367.000	284.932.120
Phải thu khác	39.307.613	-
	73.571.584.203	43.464.859.517

(*) Trong lãi cho vay phải thu từ các khoản cho vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 73.240.575.344 VND (1/1/2017: 4.589.534.247 VND) là khoản lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	33.135.690.360	25.497.613.959
Tăng dự phòng trong năm	87.223.948.215	15.413.684.790
Dự phòng sử dụng trong năm	(10.290.954.156)	-
Hoàn nhập	(285.038.480)	(7.775.608.389)
	109.783.645.939	33.135.690.360

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	413.161.750.204	-	958.923.310.604	-
Nguyên vật liệu	1.171.776.979.823	(3.777.764.052)	2.174.885.145.256	(14.062.124.995)
Công cụ và dụng cụ	62.582.980.073	-	52.869.721.134	-
Sản phẩm dở dang	788.445.660	-	-	-
Thành phẩm	203.137.243.679	-	234.455.826.235	-
Hàng hóa	1.917.129.115	-	6.782.238.095	-
	1.853.364.528.554	(3.777.764.052)	3.427.916.241.324	(14.062.124.995)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 3.778 triệu VND (1/1/2017: 14.062 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời và chậm luân chuyển. Các khoản mục này liên quan đến các nhãn cũ mà dự kiến sẽ được thanh lý như là phế liệu trong năm tới.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	14.062.124.995	-
Tăng dự phòng trong năm	107.966.090	14.062.124.995
Hoàn nhập	(10.392.327.033)	-
Số dư cuối năm	3.777.764.052	14.062.124.995

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	980.994.182.252	914.584.180.203	84.392.749.175	21.505.024.482	2.001.476.136.112
Tăng trong năm	8.193.883.716	44.976.235.757	5.063.900.916	667.435.040	58.901.455.429
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	150.278.740.676	138.758.421.640	-	4.857.318.881	293.894.481.197
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.696.000.000)	-	-	-	(2.696.000.000)
Thanh lý	-	(13.779.148.330)	(12.703.751.995)	-	(26.482.900.325)
Xóa sổ	(1.431.927.926)	-	(78.920.000)	-	(1.510.847.926)
Phân loại lại	12.357.191.543	(13.126.259.975)	440.000.000	329.068.432	-

Số dư cuối năm 1.147.696.070.261 1.071.413.429.295 77.113.978.096 27.358.846.835 2.323.582.324.487

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	126.084.883.866	207.279.574.864	23.594.377.308	3.575.789.968	360.534.626.006
Khấu hao trong năm	96.848.447.019	148.619.497.397	16.635.732.836	3.166.577.934	265.270.255.186
Thanh lý	-	(8.960.341.713)	(11.094.559.391)	-	(20.054.901.104)
Xóa sổ	(1.431.927.926)	-	(78.920.000)	-	(1.510.847.926)
Phân loại lại	4.499.370.278	(3.810.154.659)	(16.731.891)	(672.483.728)	-

Số dư cuối năm 226.000.773.237 343.128.575.889 29.039.898.862 6.069.884.174 604.239.132.162

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	854.909.298.386	707.304.605.339	60.798.371.867	17.929.234.514	1.640.941.510.106
Số dư cuối năm	921.695.297.024	728.284.853.406	48.074.079.234	21.288.962.661	1.719.343.192.325

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 468.737 triệu VND (1/1/2017: 414.299 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Kỹ thuật VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	207.411.509.016	802.298.446	1.615.000.000.000	2.413.100.000.000	566.000.000.000	4.802.313.807.462
Tăng trong năm	-	1.919.225.252	-	-	-	1.919.225.252
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.465.326.883	55.813.133.718	-	-	-	110.278.460.601
Số dư cuối năm	261.876.835.899	58.534.657.416	1.615.000.000.000	2.413.100.000.000	566.000.000.000	4.914.511.493.315
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.112.539.170	761.502.022	158.524.999.998	244.971.250.002	209.950.000.005	624.320.291.197
Khấu hao trong năm	6.148.035.101	4.161.308.790	80.750.000.004	120.654.999.996	113.200.000.008	324.914.343.899
Số dư cuối năm	16.260.574.271	4.922.810.812	239.275.000.002	365.626.249.998	323.150.000.013	949.234.635.096
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	197.298.969.846	40.796.424	1.456.475.000.002	2.168.128.749.998	356.049.999.995	4.177.993.516.265
Số dư cuối năm	245.616.261.628	53.611.846.604	1.375.724.999.998	2.047.473.750.002	242.849.999.987	3.965.276.858.219

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 5.533 triệu VND (1/1/2017: 5.305 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	312.334.484.067	269.695.770.330
Tăng trong năm	694.482.717.482	659.923.061.118
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(293.894.481.197)	(527.240.786.945)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(110.278.460.601)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.363.884.471)	(511.237.600)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(66.301.646)	(89.465.959.200)
Xóa sổ	(740.363.728)	(66.363.636)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	600.473.709.906	312.334.484.067

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà cửa	191.089.873.176	184.080.703.207
Dự án mở rộng nhà máy	320.764.452.096	-
Máy móc và thiết bị	82.348.446.859	64.865.814.171
Phần mềm vi tính	442.549.999	8.608.082.291
Khác	5.828.387.776	54.779.884.398
	<hr/>	<hr/>
	600.473.709.906	312.334.484.067

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 320.764 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 17(b)(i)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 3.094 triệu VND (2016: Không).

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	176.290.434.927	51.080.258.929	8.833.633.676	236.204.327.532
Tăng trong năm	93.741.191.533	22.819.432.048	12.173.638.605	128.734.262.186
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	2.696.000.000	2.696.000.000
Chuyển từ/(sang) chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(27.114.996)	93.416.642	66.301.646
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(32.887.457)	(17.580.589)	-	(17.580.589)
Phân loại lại	(5.044.247.459)	(594.885.188)	627.772.645	-
Phân bổ trong năm		(38.508.374.826)	(9.841.971.639)	(53.394.593.924)
Số dư cuối năm	264.954.491.544	34.751.735.378	14.582.489.929	314.288.716.851

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, quyền sử dụng đất tại Lô B1, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định với giá trị ghi số là 16.812 triệu VND được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 17(b)(i)).

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chưa thực hiện	94.566.406	849.578.876
Dự phòng phải thu khó đòi	14.961.488.602	2.892.538.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	421.630.752	427.775.463
Chi phí phải trả	105.779.127.070	149.488.188.587
Lỗ tính thuế	8.298.229.453	-
Chi phí khác	1.309.949.022	7.070.360.539
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	130.864.991.305	160.728.442.366
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định hữu hình	(25.048.349.322)	(31.677.689.053)
Tài sản cố định vô hình	(570.839.296.627)	(618.694.173.611)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(595.887.645.949)	(650.371.862.664)

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm như sau

	1/1/2017 VND	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất VND	31/12/2017 VND
Lãi chưa thực hiện	849.578.876	(755.012.470)	94.566.406
Dự phòng phải thu khó đòi	2.892.538.901	12.068.949.701	14.961.488.602
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	427.775.463	(6.144.711)	421.630.752
Chi phí phải trả	149.488.188.587	(43.709.061.517)	105.779.127.070
Lỗ tính thuế	-	8.298.229.453	8.298.229.453
Chi phí khác	7.070.360.539	(5.760.411.517)	1.309.949.022
Tài sản cố định hữu hình	(31.677.689.053)	6.629.339.731	(25.048.349.322)
Tài sản cố định vô hình	(618.694.173.611)	47.854.876.984	(570.839.296.627)
	(489.643.420.298)	24.620.765.654	(465.022.654.644)

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd	78.218.728.326	78.218.728.326	156.335.478.716	156.335.478.716
Các nhà cung cấp khác	776.988.615.593	776.988.615.593	1.101.219.922.963	1.101.219.922.963
	855.207.343.919	855.207.343.919	1.257.555.401.679	1.257.555.401.679

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các công ty liên kết				
Thuận Phát	4.263.875.426	4.263.875.426	3.595.058.489	3.595.058.489
Abattoir	675.158.480	675.158.480	1.080.404.397	1.080.404.397
Các bên liên quan khác				
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	42.774.471.866	42.774.471.866	-	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	5.495.600	5.495.600	-	-
	47.719.001.372	47.719.001.372	4.675.462.886	4.675.462.886

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	926.487.676	25.200.892.423	(24.987.132.753)	(783.402.891)	356.844.455
Thuế xuất nhập khẩu	-	162.433.569.840	(160.971.090.859)	(1.462.478.981)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.585.608.185	183.846.487.617	(260.624.163.999)	10.717.415.828	34.525.347.631
Thuế thu nhập cá nhân	13.123.268.167	85.224.767.105	(84.526.693.507)	-	13.821.341.765
Các loại thuế khác	820.464.703	7.759.600.402	(6.148.674.220)	-	2.431.390.885
	115.455.828.731	464.465.317.387	(537.257.755.338)	8.471.533.956	51.134.924.736

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	405.214.976.499	627.307.949.727
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	223.611.632.244	539.116.706.695
Thường và lương tháng 13	113.811.475.316	128.203.357.677
Chi phí lãi vay	60.265.896.442	135.216.486.111
Chi phí vận chuyển	5.083.503.633	6.996.050.053
Chi phí khác	36.226.905.984	35.835.603.641
	<hr/>	<hr/>
	844.214.390.118	1.472.676.153.904
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	34.243.411.383
Chi phí khác	-	2.920.287.920
	<hr/>	<hr/>
	-	37.163.699.303
	<hr/>	<hr/>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.498.328.000	1.353.777.342.600
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.422.273.973
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	569.963.544	373.669.776
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	209.608.027	1.756.514.058
Phải trả khác	7.773.879.888	6.188.270.297
	<hr/>	<hr/>
	12.051.779.459	1.365.518.070.704
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.935.418.064.865	2.935.418.064.865	10.275.418.718.800	(11.715.806.816.278)	1.495.029.967.387	1.495.029.967.387
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	33.565.582.267	-	33.565.582.267	33.565.582.267
	2.935.418.064.865	2.935.418.064.865	10.308.984.301.067	(11.715.806.816.278)	1.528.595.549.654	1.528.595.549.654

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	4,0% - 5,5%	1.408.689.523.428	2.770.023.254.567
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	2,4%	86.340.443.959	165.394.810.298
			1.495.029.967.387	2.935.418.064.865

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và trái phiếu dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	172.622.994.515	-
Trái phiếu thường (ii)	1.975.974.509.799	5.629.858.333.332
	2.148.597.504.314	5.629.858.333.332
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(33.565.582.267)	-
	2.115.031.922.047	5.629.858.333.332
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.115.031.922.047	5.629.858.333.332

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	7,5%	2021	172.622.994.515	-

Các khoản vay ngân hàng này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Lô B1, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định với giá trị ghi sổ là 16.812 triệu VND (Thuyết minh 11) và các tài sản hình thành trong tương lai với giá trị ghi sổ là 320.764 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2016: không) (Thuyết minh 10).

(ii) Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trái phiếu thường	2.000.000.000.000	5.700.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(24.025.490.201)	(70.141.666.668)
	1.975.974.509.799	5.629.858.333.332

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu được đảm bảo của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Trái phiếu với số tiền là 1.300 tỷ VND (1/1/2017: 1.300 tỷ VND) chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 3,5 triệu cổ phiếu (1/1/2017: 3,5 triệu) của ANCO; và
- Trái phiếu với số tiền là 700 tỷ VND (1/1/2017: 700 tỷ VND) chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 12,7 triệu cổ phiếu (1/1/2017: 12,7 triệu) của Proconco.

Biến động trong năm của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	70.141.666.668	47.175.000.000
Tăng trong năm	22.900.000.000	46.900.000.000
Phân bổ trong năm	(69.016.176.467)	(23.933.333.332)
Số dư cuối năm	24.025.490.201	70.141.666.668

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị của Công ty hoặc các công ty con phê duyệt. Quỹ này dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động trong năm của quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.731.043.020	6.127.643.020
Sử dụng trong năm	-	(396.600.000)
Số dư cuối năm	5.731.043.020	5.731.043.020

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Dự phòng dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	36.097.545.099	31.838.320.120

Biến động trong năm của dự phòng như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	31.838.320.120
Tăng dự phòng trong năm	5.719.026.126
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.459.801.147)
Số dư cuối năm	36.097.545.099

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.000.010.000.000	-	-	782.098.071.882	2.952.838.853.639	5.734.946.925.521
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.538.230.348.885	431.721.943.265	1.969.952.292.150
Cổ tức đã phân phối	-	-	-	(1.350.006.750.000)	-	(1.350.006.750.000)
Cổ tức đã phân phối của các công ty con	-	-	-	-	(33.823.342.479)	(33.823.342.479)
Mua lại công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(175.543.000.000)	-	-	(175.543.000.000)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(99.857.015.536)	(1.630.688.156.064)	(1.730.545.171.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.000.010.000.000	-	(175.543.000.000)	870.464.655.231	1.720.049.298.361	4.414.980.953.592
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	162.162.970.000	3.200.196.495.149	-	-	-	3.362.359.465.149
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	629.043.627.720	167.912.126.863	796.955.754.583
Cổ tức đã phân phối của các công ty con	-	-	-	-	(31.463.574.400)	(31.463.574.400)
Góp vốn bởi cổ đông không kiểm soát vào một công ty con	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của việc sáp nhập (Thuyết minh 5(d))	10.020.000	-	-	(15.126.033)	5.106.033	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(175.543.000.000)	1.499.493.156.918	1.856.512.956.857	8.542.842.598.924

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	216.218.299	2.162.182.990.000	200.001.000	2.000.010.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	216.218.299	2.162.182.990.000	200.001.000	2.000.010.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Theo thoả thuận giữa Kohberg Kravis Roberts & Co. L.P. (KKR) thông qua công ty của KKR có tên là VN Consumer Meat II Pte. Ltd và Công ty, KKR đã thanh toán một khoản tiền mua cổ phần của Công ty với giá trị là 3.405.000 triệu VND và Công ty đã phát hành 16.216.297 cổ phiếu phổ thông cho KKR, tương ứng với 7,5% vốn chủ sở hữu trong Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	200.001.000	2.000.010.000.000	200.001.000	2.000.010.000.000
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	16.216.297	162.162.970.000	-	-
Tăng do sáp nhập	1.002	10.020.000	-	-
Số dư cuối năm	216.218.299	2.162.182.990.000	200.001.000	2.000.010.000.000

22. Vốn khác của chủ sở hữu

Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Proconco. Công ty đã ghi nhận giao dịch này trong vốn khác của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	17.836.190.406	18.615.437.019
Trong vòng 2 đến 5 năm	44.924.293.394	31.071.544.250
Sau 5 năm	227.409.455.672	142.443.224.043
	<hr/>	<hr/>
	290.169.939.472	192.130.205.312
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	35.831	797.320.904	145.452	3.314.970.706
EUR	334	8.943.619	345	8.188.658
SGD	314	5.280.715	338	5.257.113
		<hr/>		<hr/>
		811.545.238		3.328.416.477
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	1.755.132.629.834	889.874.808.047
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	330.964.998.505	409.696.093.937
	<hr/>	<hr/>
	2.086.097.628.339	1.299.570.901.984
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	19.668.777.852.594	25.958.089.844.388
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	963.228.154.566	1.533.566.837.011
▪ Hàng bán bị trả lại	15.064.875.137	1.858.392.850
<hr/>		
	978.293.029.703	1.535.425.229.861
<hr/>		
Doanh thu thuần	18.690.484.822.891	24.422.664.614.527
<hr/>		

25. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	14.709.547.345.596	19.128.364.070.129
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.284.360.943)	14.062.124.995
<hr/>		
	14.699.262.984.653	19.142.426.195.124
<hr/>		

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	65.103.818.434	149.218.194.367
▪ Khoản cho một bên liên quan vay	68.651.041.097	12.140.219.178
▪ Các hoạt động đầu tư cho vay khác	38.316.858.903	59.893.646.234
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	11.827.290.967	13.712.709.908
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.071.489.943	111.475.498
Lãi từ thanh lý một công ty liên kết	-	4.123.635.864
Thu nhập khác	5.227.928.505	-
	191.198.427.849	239.199.881.049

27. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Trái chủ	374.829.995.907	432.570.347.222
▪ Ngân hàng	116.554.796.134	106.251.749.393
▪ Một bên liên quan	-	19.369.561.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.848.947.583	7.865.626.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	78.255.679	3.597.605.433
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	4.918.280.000	(912.120.000)
Chi phí khác	6.377.451.464	4.105.961.683
	508.607.726.767	572.848.731.951

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.132.404.225.134	1.272.331.093.643
Chi phí nhân viên	380.214.401.986	439.646.532.330
Chi phí vận chuyển	136.951.335.942	252.332.986.675
Chi phí công cụ và dụng cụ	13.572.331.396	3.386.725.623
Chi phí khấu hao	13.208.566.209	6.614.181.949
Chi phí thuê hoạt động	17.671.680.060	8.802.043.485
Chi phí khác	222.341.136.918	176.291.381.014
	<hr/>	<hr/>
	1.916.363.677.645	2.159.404.944.719
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Phân bổ giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh	363.228.111.432	363.228.111.432
Chi phí nhân viên	160.353.517.302	191.544.973.942
Chi phí thuê hoạt động	20.444.772.029	18.972.501.172
Chi phí khấu hao	31.884.920.223	14.420.361.386
Dụng cụ văn phòng	14.097.432.416	11.713.772.622
Dự phòng phải thu khó đòi	86.938.909.735	7.638.076.401
Chi phí khác	127.947.808.291	67.154.574.269
	<hr/>	<hr/>
	804.895.471.428	674.672.371.224
	<hr/>	<hr/>

30. Thu nhập khác

	2017	2016
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng	-	170.090.527.056
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	3.896.113.676	2.402.958.336
Thu nhập khác	9.477.279.634	5.934.553.902
	<hr/>	<hr/>
	13.373.393.310	178.428.039.294
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí khác

	2017	2016
	VND	VND
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.466.239.040	475.720.675
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã xóa sổ	740.363.728	178.695.634
Chi phí khác	8.435.048.194	7.645.927.254
	<hr/>	<hr/>
	11.641.650.962	8.300.343.563
	<hr/>	<hr/>

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	182.013.392.522	419.752.520.085
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.833.095.095	15.003.896.687
	<hr/>	<hr/>
	183.846.487.617	434.756.416.772
	<hr/>	<hr/>
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(24.620.765.654)	(118.554.304.634)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	159.225.721.963	316.202.112.138
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	956.181.476.546	2.286.154.404.288
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	191.236.295.309	457.230.880.858
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau của các công ty con	(103.179.506.602)	(265.908.969.320)
Chi phí không được khấu trừ thuế	53.945.440.102	50.022.295.908
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(68.052.527)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.833.095.095	15.003.896.687
Ảnh hưởng của lãi từ các công ty liên kết	(379.268.790)	(702.891.200)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	15.769.666.849	60.624.951.732
	159.225.721.963	316.202.112.138

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016: 20%).

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 629.044 triệu VND (2016: 1.538.230 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 211.286.101 (2016: 200.001.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	629.043.627.720	1.538.230.348.885

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	200.001.000	200.001.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành trong năm	11.285.101	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	211.286.101	200.001.000

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Khoản vay đã nhận	-	588.500.000.000
Khoản vay đã trả	-	1.402.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	19.369.561.230
Chi phí lãi vay đã trả	-	20.600.000.000
Khoản cho vay đã cấp	910.000.000.000	4.396.000.000.000
Khoản cho vay đã nhận	369.000.000.000	4.000.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	68.651.041.097	12.140.219.178
Cổ tức	-	1.207.540.953.000

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình		
Phí gia công	7.575.772.164	19.412.136.007
Phí thuê nhà kho	-	264.000.000
Thu nhập cổ tức	500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát		
Mua hàng hóa	74.102.759.608	91.169.276.977
Thu nhập cổ tức	-	1.225.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai		
Phí thuê nhà kho	-	1.643.848.434
Thu nhập cổ tức	1.380.848.400	255.240.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí dịch vụ quản lý	45.702.370.260	-
Mua hàng hóa	262.955.428	-
Công ty TNHH Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	795.983.386	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt	51.094.212.984	45.416.311.674

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại và các giao dịch thấu chi với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND
Tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	82.704.963.053	-
Chi phí phát hành cổ phiếu phát sinh nhưng chưa thanh toán	1.828.460.554	-
Chi phí khấu hao được ghi nhận trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang	438.077.613	-



36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã công bố một khoản cổ tức là 2.271 tỷ VND.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập

 Trần Quang Bế
 Kế toán trưởng

Người duyệt

 Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt

 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



